

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2017/HSST
ngày 27/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA.

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa Phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Le;

2. Bà Lò Thị Thúy.

- Thư ký ghi biên bản Phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia Phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Hà Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 51/2017/HSST ngày 12/6/2017 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn U; sinh năm 1978; trú tại: Bản B, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; con ông Lò Văn N và con bà Lò Thị P (đã chết); bị cáo có vợ là Đỗ Văn H Thị U; có 02 con; tiền án: Không (Ngày 25/01/2016 bị Tòa án huyện Yên Châu xét xử 12 tháng tù, cho hưởng án treo thử thách 20 tháng 15 ngày về tội phạm khác sau lần phạm tội này), tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/4/2017 cho đến nay, có mặt tại Phiên tòa .

2. Lò Văn H; sinh năm 1981; trú tại: Bản Đ, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Lớp 3/12; con ông: Lò Văn Đ, sinh năm 1961 và con bà Lò Thị T, sinh năm 1961; bị cáo có vợ là Đỗ Văn H Thị L; có 01 con sinh năm 2011; tiền án: Không (Ngày 25/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xử phạt 14 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng 18 ngày về tội phạm khác sau lần phạm tội này). tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/4/2017 cho đến nay. Có mặt tại Phiên tòa .

3. Hoàng Văn S; sinh năm 1968; trú tại: Bản L, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; con ông Hoàng Văn S (đã chết) và con bà Đỗ Văn H Thị L; bị cáo có vợ là Đỗ Văn H Thị C; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993 và con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại Phiên tòa .

4. Lò Văn P; sinh năm 1986; trú tại: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị U; bị cáo có vợ là Tòng Thị May; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 09/4/2017 đến ngày 12/4/2017 hiện được tại ngoại có mặt tại Phiên tòa .

** Những người bị hại:*

- Lò Văn X, sinh năm 1980; trú tại: Bản Đ, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Vi Văn M, sinh năm 1986; trú tại: Bản Đ, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Hoàng Văn Hạnh, sinh năm 1992; Bản L, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Nguyễn Hồng P, sinh năm 1958; trú tại: Số 26, Tiểu khu 6 thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Đỗ Ngọc C, sinh năm 1970, trú tại tiểu khu 20, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Lù A C, sinh năm 1996; trú tại Bản Lụng C, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H, Hoàng Văn S và Lò Văn P, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 08/6/2015 Lò Văn H đi uống rượu về qua nhà ông Lò Văn X, trú tại Bản Đ, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La thấy dưới gầm sàn nhà có để một chiếc xe máy ở gian giữa nhà. Thấy nhà X không khóa cổng, nhà đã đóng cửa, tắt điện, quan sát xung quanh không có ai H đi bộ vào gầm sàn, đến vị trí dựng chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, BKS: 26B1- 526.98 sờ tay có chìa khóa ở ổ khóa xe, không khóa cổ; H quay đầu xe và dắt ra cách cổng khoảng 100m về hướng tỉnh lộ 103 nổ xe máy điều khiển xe theo tỉnh lộ 104 ra tỉnh lộ 103. Đi được khoảng 2km H mở cốp xe máy kiểm tra thấy không có giấy tờ xe và tài sản gì, H điện cho Lò Văn P, trú tại Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La nói dối đang cần tiền muốn cầm cố xe máy, P đồng ý và bảo H mang xe đến nhà P.

Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, H điều khiển xe máy đến nhà P, P hỏi về nguồn gốc và giấy tờ xe máy, H nói không có giấy tờ xe, chiếc xe do H trộm cắp, nếu cầm cố được sẽ chia cho P, P đồng ý, P điều khiển xe máy chở H đến các hiệu cầm đồ để cầm cố nhưng không có giấy đăng ký xe máy nên không cầm cố được, H điều khiển xe máy về nhà P, P gọi điện cho Lường Văn T, trú tại Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La đến nhà P, khoảng 30 phút sau, T đến nhà P nói với T dẫn H đi cầm cố xe. T đồng ý còn P ở nhà. T và H điều khiển xe máy ra Quốc lộ 6, trên đường đi T hỏi về nguồn gốc xe H nói dối tên là Lò Văn C, trú tại bản B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La để

quên giấy tờ xe ở nhà cần tiền đi chơi nên cầm cổ xe. T không nói gì dẫn Lò Văn H đến nhà Đỗ Văn H, trú tại Tiểu khu 39, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. T nói với Đỗ Văn H là Lò Văn H muốn cầm cổ chiếc xe máy. Đỗ Văn H hỏi Lò Văn H về giấy tờ xe thì Lò Văn H nói quên giấy tờ ở nhà cần tiền đi chơi; qua trao đổi và thỏa thuận Đỗ Văn H nhận cầm cổ chiếc xe máy với số tiền 4.000.000 đồng. Lò Văn H nhận tiền rồi cùng T đi về nhà P, H đưa cho T số tiền 300.000 đồng và không nói gì, T cũng không hỏi lý do về số tiền H đưa, H chia cho P 1.000.000 đồng, số tiền còn lại H tiêu xài cá nhân hết. Đến cuối năm 2015 Đỗ Văn H nghỉ kinh doanh cầm đồ, Đỗ Văn H đã bán chiếc xe máy trên cho người không biết tên tuổi, địa chỉ nên không thu hồi được chiếc xe máy trên.

Vụ thứ hai: Trưa ngày 21 tháng 6 năm 2015, Lò Văn U ở nhà tại bản B, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La gọi điện rủ Lò Văn H trộm cắp xe máy và bảo H tìm ở Bản Đ, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La có xe máy để trộm đem bán lấy tiền tiêu xài, H đồng ý và nói nhà Vì Văn M cùng bản có một chiếc xe máy Honda- RSX còn mới có thể trộm cắp được.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Lò Văn U điều khiển xe máy nhãn hiệu Win (không biển kiểm soát) của U đến nhà H và bàn bạc cùng nhau đến gia đình Vì Văn M trộm cắp xe máy và thống nhất H là người trực tiếp trộm cắp còn U đứng ngoài cảnh giới, sau đó U ngủ lại nhà H.

Khoảng 02 giờ ngày 22/6/2015 Lò Văn U điều khiển xe máy Win chở H ngồi sau đến nhà M, đến cách nhà M khoảng 100m H xuống xe đi vào nhà M thấy cổng bằng lưới B40 không khóa, nhà đã đóng cửa, tắt điện quan sát xung quanh không có ai H đi bộ vào gầm sàn, đến vị trí dựng chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA- Wave RSX, BKS: 26N1- 010.21 sờ thấy có chìa khóa xe ở ổ khóa xe, H quay đầu xe và dắt ra khỏi cổng theo đường tỉnh lộ 104 đi cách nhà M khoảng 100m mở khóa điện nổ xe máy điều khiển đi qua vị trí U đợi (cách cổng nhà Muôn khoảng 200m), ra tín hiệu cho U đi sau về nhà U. Về đến nhà, U lấy điện thoại của H gọi điện cho Lò Văn P nói là U và H vừa trộm cắp được xe máy nhà Lò Văn P tiêu thụ rồi sẽ trả công, Lò Văn P đồng ý, bảo U và H mang xe lên ngã ba xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La rồi cùng nhau đi bán. U điều khiển xe máy trộm cắp được chở H ngồi sau đi đến ngã ba xã Cò Nòi gặp Lò Văn P đứng bên lề đường, Lò Văn P bảo U và H điều khiển xe máy lên thị trấn H, huyện M trước, P đi sau. U và H đi đến gần nhà máy đường Mai Sơn thì xe hết xăng, U gọi điện cho Lò Văn P bảo mua xăng đổ vào xe. Khoảng 15 phút sau, Lò Văn P đi Taxi đến đưa cho U một chai nhựa bên trong có 1,5 lít xăng và bảo U đi theo sau xe Taxi sẽ chỉ chỗ bán xe máy. Đổ xăng xong, U điều khiển xe máy đi theo Taxi đến tiểu khu 6, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La, P dừng xe lại hạ cửa kính xe Taxi chỉ tay vào hiệu cầm đồ Hà Nguyễn Hồng P do Nguyễn Hồng P làm chủ. Thấy hiệu cầm đồ đóng cửa, U lấy điện thoại gọi theo số có trên biển hiệu, một lúc sau thấy Nguyễn Hồng P ra mở cửa. U nói với Nguyễn Hồng P là muốn cầm cổ chiếc xe máy, Nguyễn Hồng P xem xe rồi bảo dắt vào trong nhà, H dắt xe vào trong nhà Nguyễn Hồng P. H giới thiệu với Nguyễn Hồng P tên là Vì Văn M, trú tại Bản Đ, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, Nguyễn Hồng P hỏi về nguồn gốc chiếc xe máy thì nói là chiếc xe của H cần tiền nên muốn cầm cổ. Qua trao đổi và thỏa thuận Nguyễn Hồng P cầm cổ chiếc xe máy trên là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và đưa

cho H một tờ giấy để H viết hợp đồng cầm cố mang tên Vì Văn M thời gian cầm cố từ ngày 22/6/2015 đến ngày 30/6/2015 cả ba người cùng ký xác nhận, Nguyễn Hồng P đưa cho H số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), H nhận tiền cùng U đi ra ngoài lên Taxi cùng Lò Văn P đi về. trên đường về H chia cho mỗi người 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), số tiền trên U, H và P đã chi tiêu xài cá nhân hết.

Đến đầu tháng 7 năm 2015 không thấy U và H đến trả tiền và lấy lại xe máy như hợp đồng cầm cố trên Nguyễn Hồng P đã bán chiếc xe máy trên cho Đỗ Ngọc C, trú tại Tiểu khu 20 thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La (làm nghề sửa chữa, mua bán xe máy) với giá 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), Nguyễn Hồng P cam kết với C là xe không phải là xe phạm tội mà có.

Ngày 19 tháng 7 năm 2015 Đỗ Ngọc C bán lại chiếc xe máy cho Lò A C, trú tại bản L, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La với giá 16.800.000 đồng, Lò A C đã trả trước cho Đỗ Ngọc C 9.500.000 đồng, Đỗ Ngọc C bảo Nguyễn Hồng P làm thủ tục sang tên đổi chủ cho Lò A C, Nguyễn Hồng P đã tự làm giấy tờ bán, cho, tặng giữa Vì Văn M với Nguyễn Thị M (vợ Đỗ Ngọc C) và làm đơn xin cấp, đổi lại đăng ký, biển số mang tên Vì Văn M rồi đến UBND xã Yên Sơn, huyện Yên Châu xin xác nhận, ngày 29 tháng 10 năm 2015 Nguyễn Hồng P đến Công an huyện Yên Châu rút được toàn bộ hồ sơ gốc của chiếc xe máy BKS: 26N1- 010.21, Nguyễn Hồng P đến Công an huyện Mai Sơn làm thủ tục sang tên đổi chủ chiếc xe máy BKS: 26N- 010.21 cho Lò A C vào ngày 04 tháng 12 năm 2015.

Ngày 25 tháng 3 năm 2017 Vì Văn M thấy chiếc xe máy của gia đình bị mất tại Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La nên gia đình trình báo với Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn đã thu giữ để giải quyết.

Vụ thứ ba: Khoảng 20 giờ, ngày 15 tháng 7 năm 2015 Lò Văn U gọi điện thoại rủ Lò Văn H đi trộm cắp xe máy bán lấy tiền tiêu xài, H đồng ý, H điều khiển xe máy Win của gia đình đi từ nhà đến nhà U và điều khiển xe máy chở U ngồi sau đi dọc đường Quốc lộ 6 từ xã C đến xã C2, huyện Y, tỉnh Sơn La nhưng không thấy xe máy để trộm, sau đó U gọi điện cho anh Hoàng Văn S, trú tại bản L, xã C, huyện Yên Châu hỏi Hoàng Văn S: Khu nhà Hoàng Văn S có xe máy ngon nào trộm cắp được không?, Hoàng Văn S nói: Xe ngon thì có có nhưng không biết có lấy trộm được không? U bảo Hoàng Văn S cứ chỉ chỗ để U tự trộm cắp, Hoàng Văn S bảo U và H đến nhà Hoàng Văn S, Hoàng Văn S chỉ chỗ trộm cắp xe máy, Ua đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Ua và H đến nhà Hoàng Văn S thì Hoàng Văn S đã đi ngủ, Ua và H vào nhà gọi Hoàng Văn S dậy, Ua nhờ Hoàng Văn S chỉ nhà có xe máy để lấy trộm, Hoàng Văn S nói: Mấy nhà gần đây nhà nào cũng có xe nhưng nhà Hoàng Văn Hạnh có xe máy mới, Hoàng Văn S dẫn H ra sườn đồi cạnh nhà Hoàng Văn S, chỉ tay vào nhà Hoàng Văn H, trú tại bản L, xã C, huyện Yên Châu, H hỏi Hoàng Văn S đi đường nào vào nhà Hoàng Văn H, Hoàng Văn S nói ra Quốc lộ 6 đi vào, có đường rẽ lên ở cạnh nhà xây. U điều khiển xe máy chở H ngồi sau theo chỉ dẫn của Hoàng Văn S. H bảo U dừng ngoài đường Quốc lộ 6 cạnh giới, H đi vào nhà Hoàng Văn H thấy cổng bằng tre đan không khóa, nhà đã đóng cửa, tắt điện, quan sát xung quanh không có ai, H đi vào gầm sàn, đến vị trí chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA-Sirius, BKS 26B1- 404.11 sờ tay có chìa khóa ở ổ khóa xe H quay đầu xe và dắt

chiếc xe máy theo đường công ra Quốc lộ 6 nổ máy điều khiển xe đi hướng thị trấn Yên Châu, U điều khiển xe Win đi sau đến Thị trấn Yên Châu, H đi vào bản H, xã V, huyện Yên Châu mở cốp xe máy kiểm tra thấy có giấy tờ đăng ký xe BKS: 26B1- 404.11. H gửi xe Win ở nhà Lò Văn Q, trú tại bản H, xã V, huyện Yên Châu, U điều khiển xe máy trộm cắp chờ H ngồi sau đi xuống huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tìm nơi tiêu thụ chiếc xe máy nhưng không tiêu thụ được nên U điều khiển xe chở H đi đến quán ăn ở thị trấn M ăn uống và nghỉ. Trưa ngày 16 tháng 7 năm 2015 U có gọi điện cho Lò Văn P nói U và H trộm cắp được một chiếc xe máy mang xuống Huyện Mộc Châu bán nhưng không bán được, không còn tiền mua xăng và tiền ăn, bảo P mang tiền xuống giúp. P nói không còn tiền sẽ đi cầm cố xe máy của P để lấy tiền, nếu bán được xe máy thì U và H phải trả tiền để P chuộc lại xe và tiền công thì P giúp, U đồng ý. Sau đó P đi cầm cố chiếc xe máy được 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) rồi đi xe khách xuống thị trấn M, huyện M gặp U và H. Sau khi trả tiền ăn và mua xăng cho U và H, P nói nếu đến tối không bán được xe máy thì mang lên Mai Sơn, P dẫn đi bán. Sau đó P đi xe khách về nhà. U và H đi tìm chỗ bán xe nhưng không bán được, U điều khiển xe máy chở H về Mai Sơn gặp P ở ngã ba xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn.

Khoảng 04 giờ, ngày 17 tháng 7 năm 2015, U và H đến ngã ba xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn gặp P đợi, rồi cả ba đi xe máy đến cửa hàng dịch vụ cầm đồ của Nguyễn Hồng P ở Tiểu khu 6 thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La, H vào cầm cố xe máy còn U và Lò Văn P đứng ngoài đợi. H dắt xe vào trong nhà Nguyễn Hồng P, giới thiệu tên là Hoàng Văn H là chủ xe máy vì cần tiền nên cầm cố chiếc xe máy. Do có giấy tờ nên Nguyễn Hồng P tin tưởng và cầm cố chiếc xe máy trên với giá 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), H viết hợp đồng cầm cố lấy tên là Hoàng Văn H và ký xác nhận, Nguyễn Hồng P đưa cho H số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), H nhận tiền đi ra chỗ U và Lò Văn P đợi. H nói dối U và Lò Văn P là xe cầm cố được 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), H cho P số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), đưa cho U số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), H giữ lại 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền trên U, H và P tiêu xài cá nhân hết.

Đến tháng 8 năm 2015 Nguyễn Hồng P đã thanh lý chiếc xe máy trên cho một người không biết tên, tuổi, địa chỉ với giá 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Đối với Nguyễn Hồng P, Đỗ Văn H là người đã cầm cố chiếc xe máy của Lò Văn U và Lò Văn H; Lường Văn T là người chở Lò Văn H đi cầm cố chiếc xe máy cũng như Đỗ Ngọc C và Lò A C là người mua chiếc xe máy của Lò Văn H. Nguyễn Hồng P, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc C và Lò A C không biết chiếc xe máy đó là do U và H phạm tội mà có.

Đối với xe máy nhãn hiệu HONDA- Wave RSX, sơn màu đỏ đen, BKS: 26N1- 010.21 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu đã trả lại cho chủ sở hữu là Vì Văn M.

Trong quá trình điều tra và tại Phiên tòa các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H, Hoàng Văn S, Lò Văn P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại Phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, đó là hành vi của các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H, Hoàng Văn S, đủ yếu tố

cấu thành tội: Trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo Lò Văn P đủ yếu tố cấu thành tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và gia đình, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận bồi thường và hoàn lại cho nhau, không có đề nghị gì thêm. Riêng bị cáo Lò Văn U chưa có tiền bồi thường cho ông Nguyễn Hồng P số tiền 2.000.000đồng(Hai triệu đồng); cho bị hại Hoàng Văn Hạnh 4.500.000đồng(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Về Vật chứng:

- 01 đăng ký xe máy số 041506 mang tên chủ xe Lò Văn X.
- 01 đăng ký xe máy số 001164 mang tên chủ xe Vì Văn M.
- 01 đăng ký xe máy số 003232 mang tên chủ xe Lù A C.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Yên Châu số: 30//HĐĐG ngày 04/4/2017 kết luận:

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA-Wave RSX sơn màu đỏ đen BKS: 26 N1-010.21, xe cũ đã qua sử dụng của Vì Văn M bị chiếm đoạt ngày 21/6/2015 có giá 17.600.000đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 34/HĐĐG ngày 07/4/2017 của của Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Châu kết luận:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA- Srios, sơn màu trắng, BKS: 26B1-404.11 xe đã qua sử dụng của Hoàng Văn H, bị chiếm đoạt ngày 15/7/2015 có giá 17.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 49/HĐĐG ngày 10/4/2017 của của Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Châu kết luận:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM- Elegant, sơn màu đỏ bạc, BKS: 26B1-526.98 xe đã qua sử dụng của Lò Văn X, bị chiếm đoạt ngày 08/6/2015 có giá 11.900.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và những người có liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 29/KSĐT-KT ngày 13/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu đã truy tố các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H và Hoàng Văn S ra xét xử trước Tòa án nhân dân huyện Yên Châu về tội: Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và truy tố Lò Văn P ra xét xử trước Tòa án huyện Yên Châu về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt Lò Văn U, từ 18 đến 24 tháng tù.

-Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm b, p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt Lò Văn H, từ 24 đến 30 tháng tù.

-Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt Hoàng Văn S, từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La quản lý giáo dục.

-Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt Lò Văn P từ 12 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 36 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La quản lý giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P đã bồi thường cho anh Vi Văn X số tiền 13.500.000 đồng(Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Chấp nhận các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P và người liên quan Nguyễn Hồng P đã bồi thường cho anh Vi Văn M số tiền 5.000.000 đồng(Năm triệu đồng).

Chấp nhận các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P đã bồi thường cho ông Nguyễn Hồng P số tiền 4.000.000 đồng(Bốn triệu đồng).

Chấp nhận các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P và người liên quan Nguyễn Hồng P đã bồi thường cho anh Hoàng Văn H số tiền 13.500.000 đồng(Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với Lò A C đã mua chiếc xe máy BKS 26N- 010.21 của Đỗ Ngọc C với giá 16.800.000 đồng(Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Lò A C đã trả cho Đỗ Ngọc C số tiền 9.500.000 đồng(Chín triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 26/4/2017 Đỗ Ngọc C đã trả lại cho Lò A C số tiền 9.500.000 đồng(Chín triệu năm trăm nghìn đồng), không có ai có yêu cầu đề nghị gì khác, đề nghị HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận trên.

Đề nghị HĐXX buộc bị cáo Lò Văn U phải bồi thường theo thỏa thuận cho Nguyễn Hồng P số tiền 2.000.000 đồng và bồi thường cho Hoàng Văn H số tiền 4.500.000 đồng.

Về vật chứng:

- 01 đăng ký xe máy số 041506 mang tên chủ xe Lò Văn X.
- 01 đăng ký xe máy số 001164 mang tên chủ xe Vi Văn M.
- 01 đăng ký xe máy số 003232 mang tên chủ xe Lò A C.

Đăng ký xe máy của Vi Văn X, Vi Văn M, là hợp pháp, do vậy cần tuyên trả lại cho người có quyền sở hữu hợp pháp. Riêng đăng ký xe của Lò A C đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng căn cứ vào khoản 2 Điều Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, Điểm a, c khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm và sử dụng án phí lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí án phí hình sự sơ thẩm và án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại Phiên tòa , căn cứ vào kết quả tranh luận tại Phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại Phiên tòa các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H, Hoàng Văn S, Lò Văn P khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Khoảng thời gian từ ngày 08 tháng 6 năm 2015 đến ngày 15 tháng 7 năm 2015 các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn U và Hoàng Văn S đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của các bị hại Lò Văn X, Hoàng Văn H và Vì Văn M đã lén lút chiếm đoạt 03 chiếc xe máy đem đi tiêu thụ lấy tiền tiêu xài.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Yên Châu số: 30//HĐĐG ngày 04/4/2017 kết luận:

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA-Wave RSX sơn màu đỏ đen BKS: 26 N1-010.21, xe cũ đã qua sử dụng của Vì Văn M bị chiếm đoạt ngày 21/6/2015 có giá 17.600.000đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 34/HĐĐG ngày 07/4/2017 của của Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Châu kết luận:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA- Srios, sơn màu trắng, BKS 26B1-404.11 xe đã qua sử dụng của Hoàng Văn H, bị chiếm đoạt ngày 15/7/2015 có giá 17.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 49/HĐĐG ngày 10/4/2017 của của Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Châu kết luận:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM- Elegant, sơn màu đỏ bạc, BKS: 26B1-526.98 xe đã qua sử dụng của Lò Văn X, bị chiếm đoạt ngày 08/6/2015 có giá 11.900.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 47.000.000đồng(Bốn mươi bảy triệu đồng) Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản (gia đình ông Vì Văn M, Hoàng Văn H, Lò Văn X) các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H, Hoàng Văn S đã tạo điều kiện và thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản (03 chiếc xe máy của ba gia đình) tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt 47.000.000đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng). Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài

sản” phạm vào khoản 1, Điều 138 của Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Khoản 1 Điều luật quy định: “ *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm* ”.

Riêng bị cáo Lò Văn P không hứa hẹn trước nhưng đã hướng dẫn tiêu thụ tài sản (03 chiếc xe máy) biết rõ là do các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H phạm tội mà có. Hành vi của Lò Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, phạm vào khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều luật này quy định: “ *Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm* ”.

Các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H, Hoàng Văn S, Lò Văn P đều là người có đầy đủ trình độ nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác như vậy là trái với pháp luật, bị pháp luật ngăn cấm, nhưng do thích hưởng thụ mà không muốn lao động, đã sống buông thả mình dẫn đến phạm tội. Bị cáo phạm tội có sự chuẩn bị trước, khi có thời cơ đến bị cáo bắt tay thực hiện tội phạm rất tích cực, thực hiện tội phạm đến cùng. Các bị cáo phạm tội đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương, gây lo lắng bất bình trong quần chúng nhân dân, làm cho nhân dân không yên tâm lao động sản xuất.

Với mức độ phạm tội của bị cáo như đã nêu trên, cần có mức hình phạt thỏa đáng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Vì đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu đề nghị đưa 02 bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H đi cách ly khỏi xã hội là có căn cứ, cần đưa bị cáo đi cách ly khỏi xã hội trong một thời gian nhất định, Riêng hai bị cáo Hoàng Văn S, Lò Văn P căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và tình tiết giảm nhẹ, Viện kiểm sát đề nghị cho cải tạo tại địa phương cần xem xét sao cho phù hợp với pháp luật. Khi lượng hình cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định trong Bộ luật Hình sự để có mức hình phạt thỏa đáng đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Lò Văn U là người chủ động điện thoại liên hệ rủ rê, lôi kéo người khác phạm tội cụ thể vào trưa ngày 21/6/2015 Ua gọi điện rủ Lò Văn H tìm xem ở bản Đ có xe máy để đến tối đi trộm cắp. Khoảng 22 giờ ngày 15/7/2015 Ua gọi điện cho Lò Văn H đi tìm trộm xe máy bán lấy tiền tiêu sài, cả 02 lần phạm tội trên đều do Lò Văn U khởi Hoàng Văn S và là người thực hiện hành vi phạm tội rất tích cực, thực hiện tội phạm đến cùng, trong một thời gian ngắn đã tham gia thực hiện 02 lần phạm tội. Đối với bị cáo U cần có mức hình phạt thỏa đáng đưa bị cáo U đi cách ly khỏi xã hội trong một thời gian nhất định. Tuy nhiên cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng bị cáo phạm tội nhiều lần trong thời gian ngắn đã 02 lần phạm tội mỗi lần phạm tội giá trị tài sản chiếm đoạt trên 17.000.000đồng(Mười bảy triệu đồng). Như vậy bị cáo phạm tội nhiều lần tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Về

tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, vì trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần cho người bị hại. Xét về nhân thân bị cáo Lò Văn U bị Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xử phạt tại bản án số: 29/ 2016/HSST ngày 25/01/2016 là vụ án xảy ra sau vụ án này nên không coi là bị cáo đã có tiền án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu đề nghị đưa bị cáo đi cách ly khỏi xã hội là có căn cứ đúng pháp luật cần xử cho bị cáo đi cách ly khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Lò Văn H là người đồng phạm tích cực, là người đặc lực giúp bị cáo Ua và là người cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, bị cáo Ua thực hiện tội phạm H thành hay không là do có sự trợ giúp đặc lực của bị cáo H cụ thể khi được Ua điện thoại đi trộm cắp H là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Ngoài 02 lần trộm cắp cùng bị cáo Lò Văn U, bị cáo H một mình đã thực hiện một vụ trộm cắp chiếc xe máy của ông Lò Văn X vào 02 giờ ngày 08/6/2015 Lò Văn H đã trộm cắp chiếc xe máy của ông X có giá trị 17.500.000đồng. Đối với H cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn U. Dù chỉ do U rủ rê, lôi kéo nhưng bản thân H bắt tay vào việc thực hiện tội phạm rất tích cực, mong muốn hậu quả xảy ra và ngoài 02 lần trộm cắp cùng với U, bị cáo H còn một mình thực hiện một vụ trộm cắp nữa. Như vậy bị cáo H phải có mức án cao hơn so với bị cáo U và phải đưa bị cáo đi cách ly khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo được bản thân. Xét về nhân thân bị cáo Lò Văn H bị Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xử phạt tại bản án số: 29/ 2016/HSST ngày 25/01/2016 là vụ án xảy ra sau vụ án này nên không coi là bị cáo đã có tiền án. Về tình tiết tăng nặng bị cáo có tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là phạm tội nhiều lần. Có tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Đối với Hoàng Văn S mặc dù không trực tiếp tham gia vào việc thực hiện tội phạm nhưng khi có đề nghị chỉ chỗ cho Lò Văn U, Lò Văn H nhà nào có xe máy đẹp thì chỉ, hướng dẫn chỗ cho U và H vào trộm cắp, Hoàng Văn S đã đồng ý chỉ cho bị cáo Ua và H vào nhà Hoàng Văn Hạnh trộm cắp được chiếc xe máy có trị giá 17.500.000đồng. Hành vi của bị cáo đã giúp các bị cáo khác thực hiện trót lọt hành vi phạm tội, tội phạm được thực hiện H thành hay không là do bị cáo Hoàng Văn S giúp sức tích cực. Tuy nhiên cần phải xem xét Hoàng Văn S phạm tội do bị lôi kéo, bản thân không trực tiếp tham gia vào việc thực hiện tội phạm. Xét về tình tiết giảm nhẹ, Hoàng Văn S phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Khi bị cáo U, H bị bắt bị cáo Hoàng Văn S đã đến Cơ quan Công an để đầu thú. Tại cơ quan điều tra cũng như tại Phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong vụ án này Hoàng Văn S không được hưởng lợi gì từ việc giúp sức cho Lò Văn U, Lò Văn H phạm tội trộm cắp tài sản, Hoàng Văn S phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự xử cho bị cáo Hoàng Văn S cải tạo tại địa phương là thỏa đáng.

Đối với bị cáo Lò Văn P là người biết rõ tài sản(Xe máy) mà các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H trộm cắp mà có nhưng P vẫn nhận mai mối tiêu thụ 03 chiếc xe máy do các bị cáo phạm tội mà có. Hành vi của P rất tích cực, hướng dẫn các bị cáo

tiêu thụ được tài sản đã trộm cắp được và được hưởng lợi từ việc tiêu thụ 03 chiếc xe máy là 6.000.000đồng. Hành vi trên lẽ ra phải có mức hình phạt nghiêm khắc nhưng qua xem xét bị cáo Lò Văn P có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nhận thấy sai lầm của mình và hứa sửa chữa sai lầm đó. Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục thiệt hại mà bị cáo đã gây ra. Đó là các quy định về tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ này giảm nhẹ cho bị cáo và áp dụng khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương có sự quản lý, giáo dục của địa phương nơi bị cáo cư trú.

Đối với Nguyễn Hồng P là chủ hiệu kinh doanh cầm đồ, là người cầm cố 02 chiếc xe máy do Lò Văn H và Lò Văn U mang đến cầm cố. Việc kinh doanh cầm đồ của ông Nguyễn Hồng P là hợp pháp, do cơ quan có thẩm quyền cấp phép, khi H và U mang xe máy trộm cắp đến cầm cố đều nói dối ông Nguyễn Hồng P là xe chính chủ, do cần tiền gấp nên mang đi cầm cố và mỗi lần đến cầm cố H và U đều sử dụng tên của chủ xe để viết giấy tờ cầm đồ, nên ông Nguyễn Hồng P không biết nguồn gốc 02 xe máy H và U đến cầm cố là do trộm cắp mà có, do vậy cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đề cập xử lý về hình sự đối với ông Nguyễn Hồng P là có căn cứ đúng pháp luật cần chấp nhận. Tuy nhiên việc ông Nguyễn Hồng P nhận cầm cố chiếc xe Wave RSX BKS: 26B1- 404.11 mà không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xe và chủ sở hữu đi kèm đã vi phạm vào điểm d khoản 2 Điều 11 nghị định 167/2013NĐ-CP ngày 12/11/2013 của chính phủ quy định xử phạt đối với hành vi: “ Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó”. Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Yên Châu đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Hồng P theo quy định của nghị định trên đối với hành vi: “ Không thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý an ninh trật tự với ngành nghề kinh doanh có điều kiện” tòa thấy là phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

Đối với anh Đỗ Ngọc C là người mua chiếc xe máy Wave RSX, BKS: 26N1- 010.21 từ ông Nguyễn Hồng P sau đó bán lại cho Lò A C, do giữa anh C và ông Nguyễn Hồng P có quan hệ mua bán xe máy từ trước. Khi bán xe trên cho anh C, ông Nguyễn Hồng P cam đoan với ông C là xe không phải do phạm pháp mà có nên anh Cường tin tưởng và đồng ý mua, anh C không biết chiếc xe máy trên do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý anh C trong vụ án là đúng cần chấp nhận.

Đối với anh Lương Văn T, Đỗ Văn H là người có liên quan đến việc tiêu thụ chiếc xe máy của người bị hại Lò Văn X nhưng hai người này không biết nguồn gốc chiếc xe máy trên là do Lò Văn H trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý về hình sự là phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

Đối với anh Lò A C là người mua chiếc xe máy 26N1- 010.21 của anh Đỗ Ngọc C là H toàn hợp pháp, anh Lò A C không biết chiếc xe máy này là do trộm cắp mà có nên không xử lý Lò A C về hình sự trong vụ án là đúng.

Đối với ông Đỗ Văn Thiết Phó chủ tịch UBND xã Yên Sơn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La việc ông Thiết ký xác nhận “ Giấy bán, cho, tặng xe” và “ Đơn xin cấp đổi lại đăng ký, biển số” do ông Nguyễn Hồng P mang đến không đúng với quy định của pháp luật, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Yên Châu đã báo cáo thường trực huyện Ủy, UBND huyện Yên Châu nắm và có hình thức xử lý với ông Đỗ Văn T là phù hợp với pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*” và khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự quy định: “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này*” do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại Phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có tài sản và thu nhập gì. Do đó đại diện Viện kiểm sát huyện Yên Châu, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là có căn cứ. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại Phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền và lợi ích liên quan đến vụ án đã xác nhận sự thỏa thuận giải quyết về trách nhiệm dân sự tại các biên bản thỏa thuận đền bù thiệt hại vụ án Lò Văn H cùng đồng phạm trộm cắp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có ngày 17/5/2017 thể hiện trong các bút lục 178; 179; 180 là H toàn tự nguyện. Tại Phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền, lợi ích liên quan không thay đổi ý kiến thỏa thuận trên các bên đã tự trao trả cho nhau xong không đề nghị Tòa án giải quyết về mặt dân sự. Riêng bị cáo Lò Văn U phần trách nhiệm dân sự của bị cáo chưa thực hiện được như đã thỏa thuận là khoản tiền bồi thường cho ông Nguyễn Hồng P 2.000.000đồng(Hai triệu đồng) và bồi thường cho anh Hoàng Văn H 4.500.000đồng(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường trên, phần của bị cáo Lò Văn U cần buộc bị cáo thực hiện theo sự thỏa thuận thể hiện trong biên bản thỏa thuận bồi thường ngày 17/5/2017.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội căn cứ theo khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự và các Điều 584; 585; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận sự thỏa thuận trên.

Vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu đã tạm giữ chuyển theo hồ sơ vụ án gồm những vật chứng sau:

- 01 đăng ký xe máy số 041506 mang tên chủ xe Lò Văn X.
- 01 đăng ký xe máy số 001164 mang tên chủ xe Vi Văn M.
- 01 đăng ký xe máy số 003232 mang tên chủ xe Lù A C.

Xét thấy số tài sản trên thuộc sở hữu của Vi Văn X, Vi Văn M cần được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Riêng đăng ký xe máy của Lù A C là đăng ký không đúng thủ tục quy định, cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H, Hoàng Văn S là hộ nghèo, được UBND xã nơi cư trú xác nhận. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/216 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì các bị cáo U, H, Hoàng Văn S là hộ nghèo được miễn nộp tiền án phí. Riêng bị cáo Lò Văn P phải chịu nộp tiền án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H, Hoàng Văn S, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt: Lò Văn U 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 05 tháng 4 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, khoản 1 Điều 46; Điều 53, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt: Lò Văn H 24 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 05 tháng 4 năm 2017

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt: Hoàng Văn S 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng. Thời hạn tính từ ngày 27/7/2017. Giao bị cáo Hoàng Văn S cho UBND xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật thi hành án hình sự.

1.2. Tuyên bố bị cáo Lò Văn P phạm tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt Lò Văn P 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Lò Văn P cho UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật thi hành án hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Tuyên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H, Hoàng Văn S, Lò Văn P.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự bị cáo Lò Văn U phải chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Hồng P, trú tại tiểu khu 6, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); bồi thường cho anh Hoàng Văn H, trú tại bản L, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La là 4.500.000 đồng(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả cho Lò Văn X 01 đăng ký xe máy số 041506 mang tên chủ xe Lò Văn X; trả cho Vì Văn M 01 đăng ký xe máy số 001164 mang tên chủ xe Vì Văn M.

Tịch thu tiêu hủy 01 đăng ký xe máy số 003232 mang tên chủ xe Lù A C.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1, Điều 12; điểm a, khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm và sử dụng án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lò Văn P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H, Hoàng Văn S được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm hình sự và án phí sơ thẩm dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo Lò Văn U, Lò Văn H, Hoàng Văn S, Lò Văn P và những người bị hại Lò Văn X, Vì Văn M, Hoàng Văn Hạnh, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lù A C được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Ông Nguyễn Hồng P, ông Đỗ Ngọc C được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND hai cấp;
- CA huyện Yên Châu;
- Sở Tư pháp Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa**

(Đã ký)

Hoàng Văn Bình